

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN MINH  
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **18/2017/HS-ST**  
Ngày 29 - 8 - 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Văn Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Phạm Thị Việt Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang** tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thị - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2017/TLST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2017/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1990 tại huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú ấp B, xã T H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hoá 2/12; dân tộc Kinh; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Mn; Vợ: Đỗ Thị Kiều H (đã tự thôi nhau năm 2014); Con có một người sinh năm 2011; Tiền án: ngày 08/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản đối với hành vi thực hiện ngày 26/6/2015; Ngày 12/01/2016 bị Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xử phạt 07 tháng tù về tội trộm cắp tài sản đối với hành vi thực hiện ngày 12/7/2014, đồng thời tổng hợp hình phạt của bản án xử ngày 08/12/2015, buộc phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 năm 04 tháng tù. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/10/2016, chưa chấp hành phần án phí. Tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 26-4-2017, tạm giam ngày 28-4-2017 cho đến nay (có mặt).

2/ Họ và tên: **Trần Văn H**, sinh năm 1971 tại huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú ấp 9C, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hoá 5/12; dân tộc Kinh; Con ông Trần Văn X và bà Trần Thị Đ; Vợ: Nguyễn Thị D; Con có 04 người, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất

sinh năm 2008; tiền án không, tiền sự không; được tại ngoại điều tra cho đến nay (có mặt).

3/ Họ và tên: **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1970 tại huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú ấp 9C, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hoá không biết chữ; dân tộc Kinh; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị M; Chồng: Trần Văn H; Con có 04 người, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án không, tiền sự không; được tại ngoại điều tra cho đến nay (có mặt).

\* *Người bị hại:* Chị **Phan Mỹ H**, sinh năm 1990 (vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cư trú: ấp 8X, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 24/4/2017, Nguyễn Văn Q từ nhà ở ấp 9B, xã Thuận Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang bơi xuồng Composite (loại xuồng be 8) về hướng ngã tư Thứ 8 để tìm Gà bắt trộm bán lấy tiền tiêu xài, nhưng không bắt được gà nên Q tiếp tục bơi xuồng vào kênh Kiềm Lâm được một đoạn thì phát hiện vừa thu mua Cua biển của bà Phan Mỹ H nằm cặp mé sông, trong nhà chỉ mở đèn ngủ nên Nguyễn Văn Q ghé lại thấy phòng ngủ bên trái có người ngủ, Q mở cánh cửa bằng song sắt lên thì thấy cửa không khóa nên Q đi vào trong nhà thấy có nhiều sọt đựng Cua biển, Q kéo hai sọt đựng Cua đưa ra ngoài cửa gần xuồng của Q đậu, sau đó tiếp tục đi vào nhà kéo thêm một sọt đựng Cua mang xuống xuồng bơi về nhà chị ruột là Nguyễn Thị Dg và anh rể là Trần Văn H thuộc ấp 9 Chợ, xã Đông Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang nhờ bán Cua dùm. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 25/4/2017, H đón thương lái thu mua Cua kêu lại, còn D thì lấy Cua trong sọt bỏ ra thau nhựa chia ra bán cho nhiều thương lái để tránh bị phát hiện, cụ thể là: Bán cho ông Trương Minh Th 7,9kg được 1.580.000đ; bán cho ông Phan Văn Đ 18,75 kg được 3.935.000đ; bán cho vợ chồng ông Huỳnh Văn Đ 7,4 kg được 1.480.000đ; bán cho ông Nguyễn Chí T 12,5 kg được 2.500.000đ. Sau khi bán Cua xong, D đã đưa hết số tiền cho Q, Q cho D và con của D là Trần Thị T số tiền là 190.000đ. Đến ngày 26/4/2017 D bán cho ông Phan Văn Đ 3,3kg Cua mà Q trộm cắp còn lại được 786.000đ D chưa đưa tiền cho Q, đến ngày 24/6/2017 Nguyễn Thị D đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền này và 190.000đ mà Q cho D và con của D (tổng cộng là 976.000đồng). Tổng số tiền Cua do Q trộm cắp nhờ D và H bán là 10.281.000 đồng (Mười triệu, hai trăm, tám mươi một nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10 ngày 29/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Minh kết luận: 47,15kg Cua y (loại cua đực), mỗi con có trọng lượng từ 0,3kg đến 0,4kg có giá trị tại thời điểm bị lấy trộm là 9.430.000 đồng; 2,70kg Cua gạch (loại cua cái) mỗi con có trọng lượng từ 0,3kg đến 0,4kg có giá trị tại thời điểm bị lấy trộm là 810.000 đồng; 01 (một) cái sọt

bằng nhựa hiệu Việt Thành Plastic, dài 72cm, rộng 49cm, cao 34cm có giá trị còn lại tại thời điểm bị lấy trộm là 147.250đ. Tổng giá trị tài sản định giá là **10.387.250 đồng** (Mười triệu, ba trăm tám mươi bảy nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Phan Mỹ H yêu cầu bị can Nguyễn Văn Q bồi thường cho bà số tiền là 11.000.000 đồng, tại biên bản về việc giải quyết phần dân sự trong vụ án trộm cắp tài sản ngày 13/7/2017 và biên nhận ngày 13/7/2017, Nguyễn Văn Q đã bồi thường cho bà Huệ 6.876.000đ, số tiền còn lại 4.124.000đ, bà Phan Mỹ Huệ yêu cầu Q tiếp tục bồi thường.

Vật chứng: 01 (một) cái sọt nhựa hiệu Việt Thành Plastic, dài 72cm, rộng 49cm, cao 34cm Cơ quan điều tra Công an huyện An Minh thu giữ đã giao trả lại cho bà Phan Mỹ H; 01(Một) chiếc xuống composite màu xanh (loại xuống be 8) dài 4,7 mét, nơi rộng nhất 0,95 mét mà Q dùng vào việc phạm tội được thu giữ và bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 11 ngày 31/7/2017.

Tại Cáo trạng số 19/KSĐT ngày 08-8-2017 Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang truy tố Nguyễn Văn Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; Trần Văn H và Nguyễn Thị D về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự (BLHS).

*\* Tại phiên tòa:*

- Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn H và Nguyễn Thị D khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Trong giai đoạn điều tra bị cáo Q đã bồi thường cho người bị hại Phan Mỹ H 6.876.000đ. Bị cáo D đã nộp cho cơ quan Điều tra 976.000đ.

- Người bị hại chị Phan Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong đơn yêu cầu xét xử vắng mặt thể hiện ý kiến: Yêu cầu bị cáo Q tiếp tục bồi thường 4.124.000đ; Về trách nhiệm hình sự xin Hội đồng xét xử xem xét xử mức án nhẹ đối với các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát kết luận: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Q có đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Thị D có đủ yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự nên giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 12 đến 18 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt mỗi bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Thị

D từ 9 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Văn Q tiếp tục bồi thường cho người bị hại Phan Mỹ Huệ 4.124.000đ (bốn triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Về biện pháp tư pháp, áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc xuồng composite màu xanh (loại xuồng be 8) dài 4,7 mét, nơi rộng nhất 0,95 mét mà bị cáo Q dùng vào việc phạm tội.

- Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn H, Nguyễn Thị D đồng ý với bản luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nêu ra, không có ý kiến gì tranh luận hay phản đối.

- Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn Q: Bị cáo rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt nhẹ cho bị cáo.

- Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Văn H: Vì không hiểu biết bị cáo mới phạm tội, nay bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt nhẹ cho bị cáo.

- Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị D: Vì không hiểu biết bị cáo mới phạm tội, nay bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức hình phạt nhẹ cho bị cáo.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Xét hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn H, Nguyễn Thị D thấy rằng:

- Bị cáo Nguyễn Văn Q lợi dụng đêm tối đã lén lút chiếm đoạt tài sản (Cua biển) của Phan Mỹ H theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Minh là 10. 387.250đ. Như vậy hành vi của bị cáo Q thực hiện đã cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS.

- Bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Thị D biết rõ tài sản do bị cáo Q trộm cắp mà có nhưng vẫn tiếp tay giấu tại nhà mình và chia ra thành nhiều phần để bán cho nhiều thương lái nhằm tránh người khác phát hiện tài sản trộm cắp. Sau khi bán tài

sản do Q trộm cắp đã đưa tiền lại cho Q và Q cho lại bị cáo D 190.000đ. Do đó hành vi của bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Thị D thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS.

*Khoản 1 Điều 138 BLHS quy định:*

*“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

*Khoản 1 Điều 250 BLHS quy định:*

*“Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”*

Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn H, Nguyễn Thị D là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện là phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện sự xem thường kỷ cương pháp luật nhà nước. Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Bị cáo Q đã từng có tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa xóa án tích lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS; Bị cáo Nguyễn Thị D và Trần Văn H là chị ruột và anh rể của bị cáo Q lẽ ra khi biết em mình chiếm đoạt tài sản của người khác thì phải khuyên ngăn, buộc phải hoàn trả cho chủ sở hữu, đằng này lại còn đồng tình và giúp sức tiêu thụ bằng được để có tiền tiêu xài.

Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo một hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của từng bị cáo đã thực hiện, để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, đồng thời cũng nhằm răn đe, cảnh tỉnh chung đối với mọi người. Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt cũng cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà từng bị cáo được hưởng đó là:

Đối với bị cáo Q: (1) trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo (điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS); (2) Tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần thiệt hại vật chất cho người bị hại (điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS); (3) Người bị hại xin xét xử mức hình phạt nhẹ cho bị cáo (khoản 2 Điều 46 BLHS).

Đối với bị cáo H và bị cáo D: (1) trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo (điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS); (2) thể hiện đã thật sự

có sự ăn năn hối cải (điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS); (3) phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS), (4) Người bị hại xin xét xử mức hình phạt nhẹ cho các bị cáo (khoản 2 Điều 46 BLHS); (5) Bản thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng (khoản 2 Điều 46 BLHS). Từ đó thấy rằng có đủ điều kiện áp dụng Điều 60 BLHS khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo H và bị cáo D để thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q tiếp tục bồi thường cho người bị hại Phan Mỹ H 4.124.000đ (bốn triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

[4] Về vật chứng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc xuống composite màu xanh (loại xuống be 8) dài 4,7 mét, nơi rộng nhất 0,95 mét mà bị cáo Q dùng vào việc phạm tội.

[5] Về án phí, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn Hg, Nguyễn Thị D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Trần Văn H và bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

*\* Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 BLHS:*

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Q** 02 (Hai) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 26-4-2017).

*\* Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 33 và Điều 60 BLHS:*

- Xử phạt bị cáo **Trần Văn H** 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên bản án sơ thẩm 29/8/2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Dg** 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên bản án sơ thẩm 29/8/2017.

Giao bị cáo Trần Văn Hg và Nguyễn Thị D cho Ủy ban nhân dân xã Đông Hòa, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

\* Về trách nhiệm dân sự, áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS, buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải tiếp tục bồi thường cho người bị hại Phan Mỹ Huệ **4.124.000đ** (bốn triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người bị hại Phan Mỹ H nếu Nguyễn Văn Q không bồi thường hoặc bồi thường không đủ số tiền còn phải bồi thường nêu trên thì hàng tháng Nguyễn Văn Q còn phải trả tiền lãi cho người bị hại Phan Mỹ Huệ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

\* Về vật chứng, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc xuồng composite màu xanh (loại xuồng be 8) dài 4,7 mét, nơi rộng nhất 0,95 mét mà bị cáo Q dùng vào việc phạm tội (*hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/8/2017*) .

\* Về án phí, áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí của Tòa án:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền còn phải tiếp tục bồi thường cho người bị hại. Tổng cộng bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu **500.000đ** (Năm trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

- Buộc mỗi bị cáo Trần Văn H và bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu **200.000đ** án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm có mặt các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn H, Nguyễn Thị D; vắng mặt người bị hại chị Phan Mỹ H. Báo cho các bị cáo Nguyễn Văn Q, Trần Văn H, Nguyễn Thị D biết là có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29-8-2017). Người bị hại chị Phan Mỹ H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản chính của bản án này.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- VKS huyện, tỉnh;
- Toà án tỉnh KG;
- Cơ quan THAHS huyện AM;
- Cơ quan THADS huyện AM;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Sở TP tỉnh KG;
- UBND xã Thuận Hoà; Đông Hòa;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**Võ Văn Linh**